

Số: 90/2019/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Cấp thoát nước - Viwaseen.2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Cấp thoát nước - Viwaseen.2 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 05/04/2019 và được trình bày từ trang số 06 đến trang số 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư và cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để có thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và giá trị đối với số dư khoản phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán và phải trả người bán đã phát sinh lâu ngày của Công ty với giá trị tại ngày 31/12/2018 lần lượt khoảng 7,1 tỷ đồng, 18,2 tỷ đồng và 14,4 tỷ đồng. Do chưa đủ cơ sở để đánh giá và xác định khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán nêu trên nên Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán cần thiết để ước tính giá trị dự phòng phải thu khó đòi Công ty cần trích lập (nếu có).

- Do một số hạn chế từ phía Công ty, chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán nhằm đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của vật tư, hàng hóa tồn kho, giá trị dở dang của các công trình đã thực hiện và giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập (nếu có).
- Theo Biên bản làm việc ngày 22/03/2018 giữa Công ty và đại diện Cục thuế Thành phố Hà Nội - Phòng quản lý nợ & CCNT, số dư tiền nợ thuế giá trị gia tăng và tiền chậm nộp thuế của Công ty đến ngày 31/01/2018 lần lượt là 3.046.672.685 đồng và 1.629.171.049 đồng. Số dư thuế giá trị gia tăng phải nộp được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày này là 7.112.421.560 đồng, chênh lệch với số liệu của Cơ quan Thuế 4.065.748.875 đồng. Hiện tại, Công ty và cơ quan thuế đang tiếp tục làm việc nhằm tìm nguyên nhân sai lệch, xác định lại số thuế giá trị gia tăng phải nộp của Công ty và số tiền phạt chậm nộp thuế nêu trên. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính kèm theo, cơ quan thuế chưa có kết luận cuối cùng về các vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Việt Thanh

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1687-2018-055-1

Trần Thị Trang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2909-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		116.747.190.300	109.071.337.439
I. Nợ ngắn hạn	310		116.747.190.300	109.071.337.439
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	58.537.572.502	43.562.883.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.420.000	4.096.986.703
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	5.984.080.928	7.146.112.679
4. Phải trả người lao động	314		272.312.000	518.417.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		272.140.112	235.729.552
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.019.605.394	1.644.970.272
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	49.676.951.453	51.826.179.882
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(23.892.089)	40.057.911
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.107.409.288	13.959.681.762
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	14.107.409.288	13.959.681.762
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150.097.600	150.097.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.809.584.162	3.774.907.570
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.727.526	34.676.592
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		147.727.526	34.676.592
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		130.854.599.588	123.031.019.201

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Người lập

Trần Thái Sơn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Vân

Giám đốc



Đỗ Văn Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B02 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	86.327.284.681	70.111.913.372
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86.327.284.681	70.111.913.372
4. Giá vốn hàng bán	11	17	76.474.297.051	58.904.843.935
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.852.987.630	11.207.069.437
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	217.417.968	424.369.783
7. Chi phí tài chính	22	19	5.146.958.718	5.185.692.493
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23		
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	4.327.024.279	6.303.868.249
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		596.422.601	141.878.478
11. Thu nhập khác	31		20.353.000	162.964.376
12. Chi phí khác	32		369.075.601	195.403.187
13. Lợi nhuận khác	40		(348.722.601)	(32.438.811)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		247.700.000	109.439.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	99.972.474	74.763.075
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		147.727.526	34.676.592
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		148	35

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Người lập

Trần Thái Sơn

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Vân

Giám đốc



Đỗ Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B03 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	87.739.836.280	64.229.214.919
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(72.211.598.116)	(68.915.860.171)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.173.121.442)	(3.957.580.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(4.367.497.113)	(4.292.168.789)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(345.706.767)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.508.615.055	195.124.755
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.213.507.041)	(1.581.065.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	282.727.623	(14.668.041.273)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.400.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	217.417.968	424.369.783
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	217.417.968	2.824.369.783
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	66.050.424.802	65.342.950.251
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.199.653.231)	(53.348.122.773)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(260.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.149.228.429)	11.734.827.478
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.649.082.838)	(108.844.012)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.156.000.372	9.264.844.384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.506.917.534	9.156.000.372

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Người lập



Trần Thái Sơn

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Vân

Giám đốc



Đỗ Văn Trung